

Bản án số: **14/2020/HSST**.

Ngày: 13/5/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Ông Phan Đình Toàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2020, tại Hội trường xét xử TAND huyện Kbang, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/HSST ngày 10/03/2020, đối với bị cáo:

Bàn Trung N, sinh năm 1989, tại xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Thôn 2, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông Bàn Văn C và bà Bàn Thị H; có vợ là Đinh Thị T và 01 con.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 13/6/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

***Người bào chữa:** Ông Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1989- trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (*có mặt*);

*** Người bị hại:**

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lơ Ku;

Địa chỉ: Xã Lơ Ku, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Khắc H – Phó giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*có mặt*);

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đinh T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Làng Lơ Vi, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2019, Bàn Trung N khai nhận cùng với Đặng Văn H (1992) trú tại thôn 2, xã L, huyện K, tỉnh Gia Lai bàn bạc vào rừng tìm cây gỗ Dổi để khai thác bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi bàn bạc, N và H đi vào rừng tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý, thuộc địa giới hành chính xã K, huyện Kb, tỉnh Gia Lai để tìm gỗ, sau khi tìm được vị trí có cây gỗ Dổi thì cả hai về lại nhà. Khoảng bốn ngày sau N và H rủ các đối tượng Hoàng Văn T (1992), Ma Văn Đ (1993) cùng trú tại thôn 2, xã L, huyện K và T (chưa xác định nhân thân, lai lịch) trú tại xã Đ, huyện K đến nhà N nhậu. Trong lúc nhậu N, H, T, Đ và T cùng nhau bàn bạc, thống nhất vào rừng khai thác gỗ Dổi để bán lấy tiền để tiêu xài. Sau khi đã thống nhất thì đến ngày hôm sau nhậu N, H, T, Đ và T cùng mang cưa xăng, nhót và dao rựa, đồ ăn cùng đi xe mô tô đến tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lơ Ku quản lý để khai thác gỗ. Khi đến vị trí khai thác gỗ, Đ là người trực tiếp dùng cưa xăng để cắt hạ cây gỗ Dổi (cây số 5) theo biên bản khám nghiệm hiện trường. Sau đó các đối tượng thay đổi nhau cùng cắt khúc, xẻ gỗ theo quy cách dài từ 02m đến 2,8m. N cùng đồng bọn khai thác gỗ khoảng một tuần, cưa, cắt hạ 05 cây gỗ Dổi, xẻ được 31 hộp gỗ. Trong quá trình khai thác trái phép 05 cây gỗ Dổi, N cùng đồng bọn làm đổ lầy, cắt bỏ làm đường vận chuyển thêm 09 cây gỗ từ nhóm V đến nhóm VII liền kề.

Khoảng một tuần sau N cùng đồng bọn mang máy tời vào hiện trường để kéo gom số gỗ Dổi đã khai thác đến vị trí tập kết để vận chuyển. Trong quá trình kéo gỗ, máy tời bị hư nên Nghĩa cùng đồng bọn đã cắt dầu vào bụi cây gần hiện trường. Ngày 12/5/2019 lực lượng bảo vệ rừng Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L đi kiểm tra thì phát hiện vụ khai thác gỗ trái phép và thu giữ một máy tời Nghĩa cùng đồng bọn giấu tại hiện trường. Sau khi bị phát hiện Nghĩa cùng đồng bọn nghỉ một thời gian. Đến ngày 12/6/2019, nhậu N, H, T, Đ và T đem theo máy cưa, xăng, nhót và xe mô tô đi vào hiện trường dùng xe mô tô độ chế vận chuyển được 09 hộp gỗ Dổi ra tập kết nơi xe ô tô vào được để vận chuyển. Đến ngày 13/6/2019 Đặng Văn H thuê thêm 3 người thanh niên dân tộc Bana (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng đem theo cưa xăng, nhót đi xe mô tô vào hiện trường tiếp tục vận chuyển gỗ ra nơi tập kết. Trong lúc N cùng đồng bọn đang vận chuyển, cưa xẻ gỗ thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang N, thu giữ tang vật tại hiện trường, còn các đối tượng khác thì chạy trốn.

Tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku quản lý phát hiện 14 cây gỗ bị cắt hạ khai thác trái phép từ nhóm III đến nhóm VI. Khối lượng gỗ xẻ, gỗ tròn còn lại tại hiện trường và trên đường vận chuyển gồm 31 hộp gỗ Dổi, khối lượng 6,728 m³, hai lóng gỗ Dổi tròn khối lượng là 2,743 m³.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý, thuộc địa giới xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; thuộc loại rừng sản xuất; hiện trạng là rừng tự nhiên. Qua khám nghiệm hiện trường phát hiện có 14 (mười bốn) cây

gỗ gồm: 05 cây gỗ Giỏi, nhóm III; 02 cây gỗ Giẻ, nhóm VII; 01 cây Trám hồng, nhóm VI; 06 cây SP5, nhóm V đã bị cắt hạ cửa, xẻ trái phép bằng phương tiện cửa xăng. Khối lượng gỗ tròn, xẻ còn lại tại hiện trường có khả năng thu giữ là 02 lóng gỗ tròn Dổi có khối lượng 2,743 m³ và 31 hộp gỗ xẻ Dổi có khối lượng 6.728 m³. Mở rộng hiện trường về các hướng không phát hiện gì khác, không thu giữ được phương tiện, đồ vật gì liên quan.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang thu giữ vật chứng gồm:

- Gỗ còn lại tại hiện trường đã thu giữ, bảo quản tại kho bãi của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku quản lý gồm: 02 lóng gỗ tròn Dổi có khối lượng 2,743 m³ và 31 hộp gỗ xẻ Dổi có khối lượng 6,728 m³. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ số gỗ đã thu giữ được nêu trên là tang vật của vụ án cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku gồm: 35 hộp gỗ xẻ, khối lượng 7,408m³ loại gỗ Dổi nhóm III. (BL số 79, 80)

- 01 (một) cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu hồng cam, đầy đủ lam xích lam cửa dài 80cm, kèm theo xích, cửa đã qua sử dụng (cũ), không kiểm tra máy móc bên trong.

- 01(một) máy tời độ chế, không có dây cáp tời, máy đã qua sử dụng (cũ), không kiểm tra máy móc bên trong.

Quá trình điều tra xác định: Máy cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA Nghĩa dùng làm phương tiện cửa xẻ gỗ trái phép là của ông Đinh Thông (1972) trú tại làng Lơ Vi, xã Lơ Ku, huyện Kbang. Ông Thông là bố vợ của Nghĩa; việc bị can Nghĩa sử dụng máy cửa xăng trên đi khai thác gỗ trái phép ông Thông không biết, Nghĩa cũng không nói cho ông Thông biết việc này nên cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang không xem xét trách nhiệm đối với ông Thông là có căn cứ. Đối với xe mô tô Nghĩa cùng đồng bọn làm phương tiện vận chuyển gỗ cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang không thu giữ được.

Ngày 03/7/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang ra quyết định trưng cầu giám định số 20/QĐ-TCGD trưng cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai giám định vị trí, loại rừng, khối lượng gỗ thiệt hại, giá trị thiệt hại về môi trường của 14 cây gỗ bị cắt hạ, khai thác trái phép tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L thuộc địa giới hành chính xã K, K, tỉnh Gia Lai. Kết luận xác định:

- Vị trí: lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý, thuộc địa giới xã Krong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Loại rừng: Thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất.

- Hiện trạng: Rừng tự nhiên.

- Chủ quản lý: do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý

- Tổng khối lượng gỗ thiệt hại 14,658 m³. Gỗ lớn: 12,049 m³; Gỗ nhỏ: 0,602 m³; Gỗ cành ngọn: 2,0077 m³; Củi: 1,757 Ster.

- Giá trị thiệt hại về môi trường: Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Thông tư quy định phương pháp định giá rừng; Khung giá rừng.

- Giá trị thiệt hại về môi trường được tính bằng giá trị của rừng về lâm sản nhân với hệ số K điều chỉnh thiệt hại về môi trường, chức năng sinh thái của rừng.

- Lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, là rừng tự nhiên sản xuất do đó hệ số $K = 3$.
Giá trị thiệt hại về môi trường = Giá trị lâm sản x 3. (Bút lục số 36 -> 38).

Ngày 16/01/2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện Kbang về trị giá thiệt hại của tổng khối lượng gỗ bị cắt hạ; giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên và trị giá toàn bộ số gỗ tròn, gỗ xẻ thu giữ được. Tại Kết luận giám định số 01/KL-HĐĐG ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện Kbang kết luận như sau:

Giá trị thiệt hại của cây gỗ:

- Giá trị thiệt hại của 14,658 m³ gỗ tròn tại thời điểm tháng 6/2019 là 162.984.700 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, bảy trăm đồng*);

+ Giá trị của 02 lóng gỗ tròn có khối lượng 2,743m³ là 52.117.000 đồng (*Năm mươi hai triệu, một trăm mười bảy ngàn đồng*).

+ Giá trị của 31 hộp gỗ xẻ có khối lượng 6,728m³ là 112.262.600 đồng (*Một trăm mười hai triệu, hai trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm đồng*).

+ Giá trị của 1,757Ster là 711.600 đồng (*Bảy trăm mười một ngàn, sáu trăm đồng*).

+ Giá trị phải bồi thường của 14 cây gỗ có khối lượng gỗ tròn 14,658 m³ bị thiệt hại, thuộc loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, thuộc lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103 Lâm phần Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý là 488.954.100 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, một trăm đồng*).

Quá trình điều tra xác định: Bị can Bàn Trung N là người trực tiếp khởi xướng, rủ rê trong việc đi khai thác gỗ Dổi trái phép tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103 Lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L thuộc địa giới hành chính xã K với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, N đã chủ động rủ Hùng cùng đi vào rừng tìm nơi có gỗ Dổi để khai thác trái phép. Khi tìm được nơi có gỗ Dổi, N đã chủ động rủ thêm Hoàng Văn T, Ma Văn Đ và T (trú ở ĐăkRong, chưa rõ nhân thân lai lịch) đến nhà của N để ăn nhậu và cùng nhau bàn bạc thống nhất việc vào rừng khai thác gỗ Dổi trái phép để cùng nhau bán lấy tiền. N cũng là người chủ động mua sắm, chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm: Máy tời, máy cưa, xăng nhớt và đồ ăn, nước uống chuẩn bị để phục vụ công việc đi rừng để khai thác gỗ trái phép.

Ngoài ra quá trình điều tra N còn khai nhận: Việc khai thác gỗ trái phép tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp L quản lý, ngoài N còn có các đối tượng Đặng Văn H, Hoàng Văn T, Ma Văn Đ, đối tượng tên T (chưa xác định nhân thân lai lịch), sống lang thang tại xã Đăk Rong và 03 người

đồng bào dân tộc ba na (chưa xác định nhân thân, lai lịch). Sau khi bị phát hiện và trong quá trình điều tra vụ án các đối tượng trên đã bỏ trốn khỏi địa bàn. Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang tiến hành điều tra, xác minh, truy tìm nhưng không làm việc được các đối tượng H, T, Đ, T và 03 người Ba na theo khai nhận của N. Căn cứ toàn bộ tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, xét thấy chỉ một lời khai duy nhất của bị cáo N nên chưa có căn cứ để xử lý các đối tượng trên. Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm việc được với các đối tượng trên sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm bị can bồi thường dân sự trong vụ án là: Giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất theo Thông tư 32/2018/BNPTNT là 488.954.100 đồng + 162.984.700 đồng (giá trị thiệt hại gỗ) + 711.600 đồng (giá trị thiệt hại Ster củi) = 652.650.400 đồng . Sau khi trừ đi số gỗ thu giữ được, bị can Bàn Trung N có trách nhiệm phải bồi thường số tiền còn lại là 488.270.800 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, tám trăm đồng*). Trong quá trình điều tra vụ án bị can Bàn Trung N đã bồi thường được 2.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CTr-VKS ngày 09/3/2020, VKSND huyện Kbang đã truy tố Bàn Trung Nghĩa về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Kbang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bàn Trung Nghĩa về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Bàn Trung N phạm tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; Điều 38; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Bàn Trung Nghĩa từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án là 652.650.400 đồng, được trừ đi số gỗ thu giữ được, Bàn Trung N còn phải bồi thường số tiền còn lại là 488.270.800 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, tám trăm đồng*). Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo Ng đã tác động gia đình bồi thường được 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 (một) máy tời độ chế, không có dây cáp tời, máy đã qua sử dụng (cũ) không kiểm tra máy móc bên trong.

+ Trả lại cho ông Đinh T: 01 (một) cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu hồng cam, đầy đủ lam xích, lam cửa dài 80cm, kèm theo xích, cửa đã qua sử dụng (cũ), không kiểm tra chất lượng bên trong.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị miễn toàn bộ phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày nội dung bào chữa: Nhất trí với nội dung truy tố của VKSND huyện Kbang, về tội danh, về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại một phần, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn, nên đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Bàn Trung Nghĩa 18 tháng tù.

Đề nghị HĐXX xem xét, xét miễn án phí HSST và DSST cho bị cáo.

Các nội dung khác: Chấp nhận như Kiểm sát viên đã đề nghị.

Tại phiên tòa, bị cáo Bàn Trung Nghĩa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang và Điều tra viên; VKSND huyện Kbang và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo Bàn Trung N phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Xuất phát từ động cơ tham lam, tư lợi cá nhân nên, từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2019, Nghĩa cùng các đối tượng trên đã khai thác trái phép 14 cây gỗ tại lô 16, khoảnh 8, tiểu khu 103, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Lơ Ku quản lý, với tổng khối lượng 14,658 m³ gỗ tròn, tổng giá trị thiệt hại là 652.650.400 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Bàn Trung N đã cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, như kết luận của Viện Kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Qua xem xét ý kiến luận tội của đại diện VKS, nội dung bào chữa của người bào chữa, ý kiến trình bày của bị cáo và bị hại; xem xét nhân thân bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bàn Trung N là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức hành vi, nhưng xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân nên bị cáo đã có hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của BLHS. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhưng bị cáo cũng đã ăn năn, tác động gia đình tự nguyện bồi thường dân sự số tiền 2.000.000 đồng, do số tiền bồi thường nhỏ so với trách nhiệm dân sự bị cáo phải bồi thường, nên không được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS, nhưng đã thể hiện ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt áp dụng đối với bị cáo .

[5] Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên HĐXX xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án, cụ thể: Giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên là rừng sản xuất theo Thông tư 32/2018/BNNPTNT là 488.954.100 đồng + 162.984.700 đồng (giá trị thiệt hại gỗ) + 711.600 đồng (giá trị thiệt hại Ster củi) = 652.650.400 đồng. Bị cáo được trừ giá trị của số gỗ, củi thu giữ được là 164.379.600 đồng; bị cáo đã bồi thường được 2.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 486.270.800 đồng (*Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, tám trăm đồng*).

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Cần tuyên bán sung ngân sách Nhà nước 01 (một) máy tời độ chế, không có dây cáp tời, máy đã qua sử dụng (cũ) không kiểm tra máy móc bên trong.

+ Cần tuyên trả lại cho ông Đinh T: 01(một) cửa xăng nhãn hiệu HUSQVARNA màu hồng cam, đầy đủ lam xích, lam cửa dài 80cm, kèm theo xích, cửa đã qua sử dụng (cũ), không kiểm tra chất lượng bên trong.

[8]Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Bàn Trung Nghĩa là người dân tộc thiểu số, gia đình khó khăn, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. HĐXX sẽ xem xét để miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm (200.000 đồng) và án phí dân sự sơ thẩm ($486.270.800 \times 5\% = 24.313.540$ đồng) cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Bàn Trung N** phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*".

[2] Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản điểm b khoản 1 Điều 232, Điều 38; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 587 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[3] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bàn Trung N **17 (mười bảy)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giam giữ (ngày 13/6/2019).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bàn Trung N phải bồi thường cho Nhà nước số tiền là 486.270.800 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, tám trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 (một) máy tời độ chế, không có dây cáp tời, máy đã qua sử dụng (cũ) không kiểm tra máy móc bên trong.

Tuyên trả lại cho ông Đinh T: 01(một) cửa xăng nhãn hiệu HUSQ VA R NA màu hồng cam, đầy đủ lam xích, lam cửa dài 80cm, kèm theo xích, cửa đã qua sử dụng (cũ), không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2020 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[6] Về án phí: Bị cáo Bàn Trung N là người dân tộc thiểu số, gia đình khó khăn, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh T kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Công an huyện.
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Cảnh Phan Đình Toàn

Đỗ Thị Lành

